

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 24/9/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận và bà Phạm Thị Hồng Minh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thanh Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/9/2019 tại nhà văn hóa xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/TLST - HS ngày 20/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST - HS, ngày 10 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn D**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 06 tháng 5 năm 1987. Nơi sinh: Xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: Lớp 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1960. Hiện sinh sống và làm việc tại thành phố V, tỉnh B. Con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1958. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện trú quán tại xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1993. (Ly thân từ năm 2018). Con: Chưa có. Anh, chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 14/8/2007 phạm tội Cướp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xác định tái phạm và xử phạt 9 năm tù tại bản án số 02/2008/HSST ngày 16/01/2008. Tổng hợp 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số 21/2007/HSST ngày 06/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 9 năm 9 tháng tù. Ngày 04/6/2017, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Nhân thân:

- Ngày 18/11/2002 bị Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 13/01/2003, bị UBND xã Đ lập hồ sơ giáo dục tại cộng đồng trong thời hạn 6 tháng. Đến ngày 13/7/2003 chấp hành xong.

- Ngày 01/10/2003, bị UBND xã Đ xử phạt hành chính số tiền 50.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích. Cùng ngày chấp hành xong quyết định.

- Ngày 23/02/2005, phạm tội Trộm cắp tài sản, bị TAND thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù tại bản án số 49/2005/HSST ngày 29/6/2005. Đến ngày 10/3/2006 chấp hành xong bản án (khi phạm tội là người chưa thành niên).

- Ngày 17/10/2003, phạm tội Trộm cắp tài sản, bỏ trốn, sau đó bị TAND huyện Đ xử phạt 09 tháng tù tại bản án số 21/2007/HSST ngày 06/12/2007. Đến ngày 04/6/2017 chấp hành xong bản án (khi phạm tội là người chưa thành niên).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2019 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

*** Bị hại:**

- Chị Trần Thị T, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị Quỳnh N, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Vắng mặt.

- Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Vắng mặt.

- Anh Trần Văn T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đinh Quang H, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố 5 Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 18/6/2019, Trần Văn D đi bộ đến Bệnh viện Đa khoa huyện Đ ở thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh để lấy trộm tài sản. Khi tới nơi, D đi vào Khoa cấp cứu, thấy cửa phòng số 3 không khóa, nên mở cửa đi vào. Quan sát, thấy chị Trần Thị T đang ngủ, trên giường để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, D liền đi tới lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần. Cùng lúc đó, D thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar của chị Lê Thị Quỳnh N (ở cùng phòng với chị T) đang để trên tủ đựng đồ dùng bệnh nhân, nên cũng lấy bỏ vào túi quần rồi đi ra. Sau đó, D tiếp tục mở cửa đi vào phòng điều trị theo yêu cầu (đối diện với phòng số 3), thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37f

của anh Trần Thanh H đang để trên giường, D liền lấy điện thoại bỏ vào túi quần, rồi đi ra khỏi phòng. Tiếp đó, D đi sang Khoa ngoại, mở cửa phòng số 2 (cửa không khóa) đi vào bên trong, lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J700 và chiếc điện thoại nhãn hiệu Mobell của anh Trần Văn T đang để ở trên tủ đựng đồ của bệnh nhân bỏ vào túi quần, rồi trở ra treo tường hàng rào đi về nhà mình ở xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Trên đường về, D tháo thẻ sim từ các máy điện thoại di động vừa lấy trộm được vứt xuống bên đường.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, D đưa 05 chiếc điện thoại di động lấy trộm được ra kiểm tra, chọn lấy chiếc điện thoại OPPO A3S để lại sử dụng, rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Exciter 150 GP, biển kiểm soát 38D1-425.41, đưa 04 chiếc điện thoại còn lại đi đến cửa hàng mua bán điện thoại H ở tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, gặp anh Đinh Quang H, chị Nguyễn Thị T. D lấy chiếc điện thoại OPPO A37f đưa cho anh H và nói: *Có mua điện thoại cũ không*. Anh H cầm máy điện thoại xem và hỏi D: *Điện thoại của ai đây*. D trả lời: *Của em không dùng nữa nên bán*. Anh H nói mua với giá 400.000 đồng, thì D đồng ý bán, rồi lấy tiền đi về. Khoảng 15 phút sau, D quay lại cửa hàng điện thoại H, nói với chị T: *Có mấy chiếc điện thoại cũ, nhà không dùng nên bán luôn*, đồng thời đưa cho chị T xem 03 chiếc điện thoại (gồm 01 chiếc nhãn hiệu Samsung J700, 01 chiếc nhãn hiệu Mobistar và 01 chiếc nhãn hiệu Mobell). Sau khi kiểm tra, thì chị T chỉ đồng ý mua chiếc điện thoại Samsung J700 với giá 250.000 đồng. D đồng ý bán và lấy tiền, còn chiếc điện thoại Mobistar và Mobell, do chị T không mua nên D để lại tại cửa hàng mà không lấy nữa. Số tiền bán điện thoại, D tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 19/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ triệu tập đến làm việc, thì D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình nói trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, xác định tổng trị giá của 05 chiếc điện thoại di động là 4.350.000 đồng, cụ thể:

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen, trị giá 2.100.000 đồng;
- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu đen, trị giá 200.000 đồng;
- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37f, màu vàng, trị giá 900.000 đồng;
- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J700 màu vàng, trị giá 1.000.000 đồng;
- Chiếc điện thoại di động Mobell, màu đen vàng, trị giá 150.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 19/CT- VKSDT ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 02 (hai) năm đến 03 (năm) tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2019.

Về dân sự: Những người bị hại (chị Trần Thị T, chị Lê Thị Quỳnh N, anh Trần Thanh H, anh Trần Văn T) và người liên quan anh Đinh Quang H, chị Nguyễn Thị T đều không có yêu cầu bồi thường gì nên miễn xét.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Exciter 150 GP, màu đỏ đen, biển kiểm soát 38D1-425.41, số khung RLCUG 0610GY317943, số máy G3D4E334052, bị cáo Trần Văn D khai mua của một người không quen biết ở thành phố Hồ Chí Minh vào khoảng tháng 5, 6/2019 (bị cáo khai không nhớ cụ thể) để về sử dụng. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô nói trên là của anh Lê Trúc P ở thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đăng ký biển kiểm soát 48B1-425.41, bị mất trộm tại phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào ngày 12/6/2019. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tách vật chứng là chiếc xe mô tô nói trên, chuyển Cơ quan CSĐT Công an thành phố V để điều tra, giải quyết theo quy định pháp luật.

- 01 đôi giày vải màu ghi, đế giày cao su màu trắng, size 41; 01 chiếc áo phông ngắn tay, màu đen, size L; 01 chiếc quần lửng, màu đen, size 30 (đều thu giữ từ Trần Văn D) không còn giá trị sử dụng và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền do phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt tất cả bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2]. Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, tang vật thu hồi và các tài liệu, chứng cứ có tài hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định vào khoảng 01 giờ ngày 18/6/2019, tại Bệnh viện Đa khoa huyện Đ ở thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Văn D, lợi dụng các chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm 05 chiếc điện thoại di động (gồm của: Chị Trần Thị T 01 chiếc OPPO A3S, chị Lê Thị Quỳnh N 01 chiếc Mobistar, anh Trần Thanh H 01 chiếc OPPO A37f, anh Trần Văn T 01 chiếc Samsung J700 và 01 chiếc Mobell), với tổng trị giá tài sản đã chiếm đoạt được là 4.350.000 đồng, để sử dụng và đưa đi bán lấy 650.000 đồng, tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Trần Văn D đang có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 14/8/2007, phạm tội Cướp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, xác định tái phạm và xử phạt 9 năm tù tại bản án số 02/2008/HSST ngày 16/01/2008. Tổng hợp 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số 21/2007/HSST ngày 06/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 9 năm 9 tháng tù. Ngày 04/6/2017, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích) nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm hành chính và bị Tòa án xét xử về các loại tội phạm. Tuy nhiên xét cho bị cáo tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4]. Quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó không chỉ gây ra thiệt hại về mặt vật chất của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, việc xét xử công khai và lên mức án tương xứng cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như quan điểm của Kiểm sát viên là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về xem xét trách nhiệm của người liên quan trong vụ án:

Trong vụ án này, anh Đinh Quang H, chị Nguyễn Thị T (chủ cửa hàng mua bán điện thoại) là những người đã mua điện thoại của bị cáo Trần Văn D đem bán, nhưng khi giao dịch mua bán anh H, chị T đều không biết về nguồn gốc tài sản là do bị cáo phạm tội mà có, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại (chị Trần Thị T, chị Lê Thị Quỳnh N, anh Trần Thanh H, anh Trần Văn T) và người liên quan anh Đinh Quang H, chị Nguyễn Thị T đều không có yêu cầu bồi thường gì nên miễn xét.

[7]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 01 đôi giày vải màu ghi, đế giày cao su màu trắng, size 41; 01 chiếc áo phông ngắn tay, màu đen, size L; 01 chiếc quần lửng, màu đen, size 30 (đều thu giữ từ Trần Văn D) và truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo có được do thu lợi bất chính từ việc phạm tội như quan điểm của Kiểm sát viên là hoàn toàn phù hợp.

[8]. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b, c khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 3, Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 30 (Ba mươi) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/6/2019.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 đôi giày vải màu ghi, đế giày cao su màu trắng, size 41; 01 chiếc áo phông ngắn tay, màu đen, size L; 01 chiếc quần lửng, màu đen, size 30 (đều thu giữ từ bị cáo Trần Văn D).

Đặc điểm các vật chứng được thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ lưu tại hồ sơ vụ án.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo có được do thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

3. Về án phí: Xử buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- VKSND huyện Đ;
- CQ CSĐT Công an huyện Đ;
- CQ THAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Lê Việt Thắng